ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 15/2026/QĐ-UBND	*Tuyên Quang, ngày 20 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường; tập thể lãnh đạo, quản lý các cơ quan, tổ chức, đơn vị, tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã, phường và cá nhân người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 52/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2023/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 335/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường; tập thể lãnh đạo, quản lý các cơ quan, tổ chức, đơn vị, tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã, phường và cá nhân người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường; tập thể lãnh đạo, quản lý các cơ quan, tổ chức, đơn vị, tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã, phường và cá nhân người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị); tập thể lãnh đạo, quản lý cơ quan, tổ chức, đơn vị;

2. Ủy ban nhân dân xã, phường (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã); tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã;

3. Cán bộ, công chức, viên chức là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định (gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý).

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại chất lượng

1. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; giữ vững sự đoàn kết, thống nhất; khách quan, công bằng, chính xác; không nể nang, trù dập, thiên vị, hình thức; bảo đảm đúng thẩm quyền quản lý, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức.

2. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã; tập thể lãnh đạo, quản lý cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện bằng các tiêu chí, sản phẩm, thang điểm cụ thể gắn với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị; việc đánh giá có tính đến khối lượng công việc, mức độ khó khăn, phức tạp của nhiệm vụ được giao và kết quả xuất sắc, nổi trội. Đối với những nhiệm vụ, chỉ tiêu không hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ vì lý do khách quan, bất khả kháng thì được cấp có thẩm quyền xem xét khi đánh giá, xếp loại. Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ sở để đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể lãnh đạo quản lý và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý được thực hiện căn cứ vào chức trách, nhiệm vụ được giao và kết quả thực hiện nhiệm vụ, thể hiện thông qua công việc, sản phẩm cụ thể, gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương được giao quản lý, phụ trách.

4. Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức tại Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên.

5. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã và cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý được đánh giá, xếp loại chất lượng có trách nhiệm báo cáo trung thực kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; thống kê, kê khai kết quả thực hiện công việc trung thực trên Phần mềm đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc. Trường hợp đã đánh giá, xếp loại chất lượng nhưng sau đó phát hiện không bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn của mức xếp loại chất lượng thì cấp có thẩm quyền hủy bỏ kết quả và xếp loại chất lượng lại, đồng thời thực hiện các nội dung liên quan về thi đua khen thưởng và công tác cán bộ (nếu có) theo thẩm quyền để

đảm bảo thống nhất, đồng bộ với các quy định có liên quan.

6. Các nội dung không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định hiện hành về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã; tập thể lãnh đạo, quản lý và cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 4: Thẩm quyền công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị; Ủy ban nhân dân cấp xã; tập thể lãnh đạo, quản lý các cơ quan, tổ chức, đơn vị; tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã (sau khi có ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh).

b) Quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hằng tháng, hằng quý đối người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại hằng năm đối với đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hằng tháng, quý đối với cấp phó của mình và cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

Chương II
ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Điều 5. Phương pháp, thang điểm, bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng

1. Phương pháp, thang điểm

a) Đánh giá, xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện bằng phương pháp chấm điểm.

b) Thang điểm đánh giá là 100 điểm. Điểm đánh giá là tổng điểm đạt được của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã của tiêu chí, tiêu chí thành phần. Trường hợp, đối với một số nhiệm vụ tại tiêu chí, tiêu chí thành phần không được giao trong năm, cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã được trừ tổng tiểm đánh giá tương ứng, điểm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã được tính theo trọng số như sau:

$$\text{Điểm đánh giá} = \left(\frac{a}{b} \times 100\right)$$

Trong đó:

a: Tổng điểm đạt được của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần.

b: Tổng điểm tối đa các tiêu chí, tiêu chí thành phần được đánh giá của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng theo Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 6. Mức xếp loại chất lượng của cơ quan, tổ chức, đơn vị; Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

Có kết quả tổng điểm đánh giá đạt từ 90 điểm trở lên và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là tập thể đoàn kết, có thành tích nổi bật; đột phá, đổi mới, sáng tạo; dám nghĩ, dám làm, là điển hình để các cơ quan, đơn vị học tập, noi theo.

b) Hoàn thành 100% các nhiệm vụ được giao, đúng thời hạn, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, trong đó có ít nhất 30% nhiệm vụ hoàn thành vượt mức.

c) Không có đơn vị cấp dưới trực tiếp (nếu có) bị xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.

d) Đã khắc phục 100% các hạn chế, khuyết điểm được chỉ ra kỳ đánh giá trước hoặc kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Có kết quả tổng điểm đánh giá đạt từ 70 điểm trở lên và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao, đúng hạn, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

b) Không có đơn vị cấp dưới trực tiếp (nếu có) bị xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.

3. Hoàn thành nhiệm vụ

Có kết quả tổng điểm đánh giá đạt từ 50 điểm trở lên; hoàn thành 100% nhiệm vụ, trong đó số nhiệm vụ chưa bảo đảm tiến độ không vượt quá 20%.

4. Không hoàn thành nhiệm vụ

Không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này hoặc bị cấp có thẩm quyền kết luận có sai phạm trong công tác cán bộ, mất đoàn kết nội bộ, bè phái, chạy chức, chạy quyền trong phạm vi phụ trách.

5. Trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ nêu trên mà có lý do bất khả kháng hoặc trường hợp tập thể lãnh đạo, quản lý hoặc có thành viên của tập thể lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật nhưng đã chủ động phát hiện vi phạm và khắc phục kịp thời thì cấp có thẩm quyền căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh, tính chất nhiệm vụ, kết quả thực hiện; hành vi, mức độ vi phạm, hậu quả, nguyên nhân và các yếu tố liên quan khác để xem xét, đánh giá, xếp loại bảo đảm khách quan, toàn diện, thận trọng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo phân cấp.

Điều 7. Trình tự, thẩm quyền đánh giá, xếp loại

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã tự đánh giá và đề xuất mức xếp loại chất lượng:

a) Báo cáo kiểm điểm kết quả chất lượng hoạt động và tự đánh giá, đề xuất xếp loại chất lượng hoạt động của cơ quan, đơn vị theo Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại tương ứng với nhóm cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Tổng hợp và đề xuất kết quả đánh giá, xếp loại gửi các cơ quan thẩm định và Sở Nội vụ. Hồ sơ gồm: Báo cáo kiểm điểm kết quả chất lượng hoạt động trong năm, trong đó xác định rõ đề xuất mức độ xếp loại cơ quan, tổ chức, đơn vị; bản tự chấm điểm chất lượng hoạt động theo các tiêu chí và tiêu chí thành phần của Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại; tài liệu kiểm chứng kết quả tự chấm điểm các tiêu chí và tiêu chí thành phần theo Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại.

2. Các cơ quan thẩm định thực hiện thẩm định kết quả tự chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần được phân công, gửi kết quả thẩm định để Sở Nội vụ tổng hợp chung.

3. Sở Nội vụ tổng hợp kết quả thẩm định gửi lại cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã để giải trình, làm rõ kết quả thẩm định (nếu có) trong thời hạn 03 ngày làm việc (tính từ ngày Sở Nội vụ gửi văn bản) và gửi lại Sở Nội vụ (đồng gửi các cơ quan thẩm định) xem xét. Các cơ quan thẩm định chỉ xem xét điều chỉnh kết quả thẩm định trong trường hợp có sai sót của cơ quan thẩm định hoặc vì lý do khách quan cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã chưa giải trình cụ thể và cung cấp đủ tài liệu kiểm chứng lần đầu theo yêu cầu, trong 03 ngày làm việc (tính từ ngày kết thúc thời gian giải trình, làm rõ) gửi kết quả thẩm định cuối cùng để Sở Nội vụ tổng hợp, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 8. Thời gian đánh giá, xếp loại; hủy bỏ kết quả xếp loại và đánh giá, xếp loại lại

1. Việc đánh giá, xếp loại được thực hiện hằng năm, trên Phần mềm đánh giá, xếp loại chất lượng và phải hoàn thành trước ngày 20 tháng 12.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã đã được xếp loại chất lượng, nhưng sau đó phát hiện có khuyết điểm, không đảm bảo quy định về mức xếp loại hoặc thiếu trung thực làm cho kết quả không chính xác hoặc có phản ánh từ các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên và Nhân dân thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh hoặc hủy bỏ kết quả đã công nhận; đồng thời, tiến hành đánh giá, xếp loại lại theo quy định.

3. Trường hợp tổ chức Đảng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã có khuyết điểm, vi phạm xảy ra từ năm trước, thời điểm trước nhưng đến thời điểm năm đánh giá, xếp loại mới bị cấp có thẩm quyền quyết định thi hành kỷ luật đối với tổ chức Đảng thì cấp có thẩm quyền xem xét đánh giá, xếp loại lại ở thời điểm đánh giá hiện tại, như sau:

a) Căn cứ vào hình thức kỷ luật đối với tổ chức Đảng thời điểm xảy ra khuyết điểm, vi phạm để tiến hành đánh giá, xếp loại lại đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị; trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả thì cân nhắc nội dung, động

cơ, tính chất, mức độ, hậu quả, hoàn cảnh, nguyên nhân vi phạm để xem xét, quyết định đánh giá lại.

b) Ban hành quyết định hủy bỏ kết quả xếp loại và công nhận kết quả xếp loại mới.

Chương III
ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI TẬP THỂ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ; TẬP THỂ LÃNH ĐẠO ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Điều 9. Phương pháp, thang điểm, bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng

1. Phương pháp, thang điểm

a) Đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể lãnh đạo, quản lý được thực hiện theo từng nhóm cơ quan, đơn vị tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Quyết định này bằng phương pháp chấm điểm.

b) Thang điểm đánh giá là 100 điểm. Gồm:

Tiêu chí chung: 30 điểm

Tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ: 70 điểm.

2. Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng theo Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 10. Trình tự, thẩm quyền đánh giá, xếp loại; mức xếp loại chất lượng

1. Trình tự đánh giá, xếp loại

Tập thể lãnh đạo, quản lý các cơ quan, tổ chức, đơn vị, tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tự đánh giá và đề xuất mức xếp loại chất lượng theo Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại gửi các cơ quan thẩm định và Sở Nội vụ. Hồ sơ gồm:

a) Báo cáo kiểm điểm của tập thể, trong đó xác định rõ đề xuất mức độ xếp loại của tập thể lãnh đạo, quản lý.

b) Bản tự chấm điểm chất lượng hoạt động theo các tiêu chí và tiêu chí thành phần của Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại.

2. Mức xếp loại chất lượng

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Quy định số 08-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị của tỉnh. Mức xếp loại chất lượng của tập thể lãnh đạo, quản lý không cao hơn mức xếp loại của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Việc thẩm định, tổng hợp kết quả thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể lãnh đạo, quản lý các cơ quan, tổ chức, đơn vị, tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo trình tự quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 7 Quyết định này.

Điều 11. Thời gian đánh giá, xếp loại; hủy bỏ kết quả xếp loại và đánh giá, xếp loại lại

1. Việc đánh giá, xếp loại thực hiện hằng năm, trên Phần mềm đánh giá, xếp loại chất lượng và hoàn thành trước ngày 20 tháng 12.

2. Trường hợp tập thể lãnh đạo, quản lý hoặc có thành viên của tập thể lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật nhưng đã chủ động phát hiện vi phạm và khắc phục kịp thời thì cấp có thẩm quyền căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh, tính chất nhiệm vụ, kết quả thực hiện; hành vi, mức độ vi phạm, hậu quả, nguyên nhân và các yếu tố liên quan khác để xem xét, đánh giá, xếp loại bảo đảm khách quan, toàn diện. Trường hợp tập thể lãnh đạo, quản lý cơ quan, tổ chức, đơn vị, tập thể Ủy ban nhân dân cấp xã có khuyết điểm, vi phạm xảy ra từ năm trước, thời điểm trước nhưng đến thời điểm năm đánh giá, xếp loại mới bị cấp có thẩm quyền quyết định thi hành kỷ luật về Đảng thì cấp có thẩm quyền xem xét đánh giá, xếp loại lại ở thời điểm đánh giá hiện tại, như sau:

a) Căn cứ vào hình thức kỷ luật đối với tập thể thời điểm xảy ra khuyết điểm, vi phạm để tiến hành đánh giá, xếp loại lại; trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả thì cân nhắc nội dung, động cơ, tính chất, mức độ, hậu quả, hoàn cảnh, nguyên nhân vi phạm để xem xét, quyết định đánh giá lại.

b) Ban hành quyết định hủy bỏ kết quả xếp loại và công nhận kết quả xếp loại mới.

Chương IV
ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

Điều 12. Tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng

1. Tiêu chí chung (Mục A)

Tiêu chí chung được chấm điểm tối đa là 30 điểm: Thực hiện theo tiêu chí đánh giá chung quy định tại Phụ lục I Nghị định số 335/2025/NĐ-CP quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức.

2. Tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ (Mục B)

Tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được chấm điểm tối đa 70 điểm (trong thang điểm 100), gồm:

a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ theo chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương (gồm: các nhiệm vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước của ngành; việc xử lý các văn bản, tờ trình theo đề xuất của các cơ quan, đơn vị, địa phương; ...);

b) Kết quả thực hiện nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

c) Kết thực hiện các chỉ tiêu về kinh tế - ngân sách: Thu ngân sách (đối với cơ quan, đơn vị được giao dự toán thu); Giải ngân vốn đầu tư công (đối với các chủ đầu tư được giao vốn); Quyết toán các công trình, dự án (đối với các chủ đầu tư được giao);

d) Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử (gồm 05 chỉ số thành phần: Công khai, minh bạch; Tiến độ, kết quả giải quyết; số hóa hồ sơ; Cung cấp dịch vụ trực tuyến; Mức độ hài lòng).

đ) Tỷ lệ văn bản đi, đến được xử lý hoàn toàn trên môi trường điện tử (trừ văn bản thuộc danh mục bí mật nhà nước)

e) Kết quả chỉnh lý, số hóa hồ sơ tài liệu

g) Kết quả giải quyết đơn thư.

Tiêu chí về kết quả giải quyết đơn thư bao gồm đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền (bao gồm cả các đơn được giao tại các Kế hoạch chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh).

3. Điểm cộng và điểm trừ trong thực hiện nhiệm vụ (Mục C).

a) Điểm cộng: Cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân người được đánh giá đạt được 1 trong các thành tích sau: Được tặng Bằng khen cấp tỉnh trở lên. Kết quả vận động xã hội hóa; Có sản phẩm, giải pháp đột phá, sáng tạo đem lại giá trị, hiệu quả thiết thực, tác động tích cực đến phát triển kinh tế xã hội của địa phương (Tiêu chí về sản phẩm, giải pháp đột phá, sáng tạo đem lại giá trị, hiệu quả thiết thực, tác động tích cực đến phát triển kinh tế xã hội gồm: các Nghị quyết chuyên đề tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế xã hội ngành và địa phương hoặc báo cáo tóm tắt kết quả các nội dung tổng kết giải pháp đột phá, sáng tạo đem lại giá trị; lợi ích kinh tế - xã hội đem lại lợi ích về việc áp dụng sản phẩm, giải pháp đột phá đến cơ quan đơn vị mình hoặc phạm vi ảnh hưởng đến nhiều cơ quan khác có số liệu minh chứng cụ thể); Kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp bách, đột xuất, phức tạp.

b) Điểm trừ: Trong cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý vi phạm một trong các hình thức: Bị kỷ luật; bị khởi tố; xử phạt hành chính; Bị Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; Báo cáo chậm hoặc không có báo cáo theo yêu cầu của cơ quan được giao chủ trì tổng hợp; Có nhiệm vụ thực hiện không đảm bảo tiến độ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Phương pháp, thang điểm, bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng

1. Đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Kết quả theo dõi, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý được xác định bằng tổng điểm của tiêu chí chung, điểm của tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ và điểm cộng, điểm trừ.

Điểm theo dõi, đánh giá của cán bộ, công chức, viên chức	=	Điểm mục A	+	Điểm mục B	+	Mục C

Trong đó, điểm mục B được tính theo công thức sau:

$$\text{Mục B} = \frac{a}{b} \times 70$$

a: Tổng điểm đạt được của tiêu chí đánh giá tại khoản 2 Điều 12.

b: Tổng điểm tối đa của các tiêu chí đánh giá tại khoản 2 Điều 12.

Điểm mục C = Điểm cộng – Điểm trừ.

Điểm của các tiêu chí và tổng điểm được làm tròn đến 01 chữ số thập phân sau dấu phẩy. Đối với những cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã không có nhiệm vụ ở tiêu chí, tiêu chí thành phần nào thì không thực hiện chấm điểm theo tiêu chí, tiêu chí thành phần tương ứng. Tiêu chí, tiêu chí thành phần nào đã đạt yêu cầu theo chỉ tiêu, kế hoạch được giao ở tháng trước thì từ tháng sau trở đi đều chấm điểm tối đa của tiêu chí đó.

b) Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng theo Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này

2. Đối với cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Kết quả theo dõi, đánh giá công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý được xác định bằng tổng điểm của tiêu chí chung, điểm của tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ.

b) Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 14. Đánh giá, xếp loại chất lượng hằng tháng

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đánh giá xếp loại chất lượng hằng tháng đối với Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, như sau:

1. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tự đánh giá, nhận mức xếp loại theo phiếu đánh giá, xếp loại hằng tháng *(có giải trình và cung cấp tài liệu minh chứng)* theo bộ tiêu chí tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này, gửi kết quả về Sở Nội vụ và đồng gửi các cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định trước ngày 17 của tháng đánh giá, xếp loại.

2. Các cơ quan, đơn vị được giao thẩm định tiến hành thẩm định và gửi kết quả thẩm định về Sở Nội vụ tổng hợp trước ngày 20 của tháng đánh giá, xếp loại.

3. Sở Nội vụ tổng hợp kết quả thẩm định và gửi lại cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã để giải trình, làm rõ kết quả thẩm định (nếu có) trong thời hạn 02 ngày làm việc (tính từ ngày Sở Nội vụ gửi văn bản) và gửi lại Sở Nội vụ (đồng gửi các cơ quan thẩm định) xem xét. Các cơ quan thẩm định chỉ xem xét điều chỉnh kết quả thẩm định trong trường hợp có sai sót của cơ quan thẩm định hoặc vì lý do khách quan cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã chưa giải trình cụ thể và cung cấp đủ tài liệu kiểm chứng lần đầu theo yêu cầu.

4. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp kết quả thẩm định sau khi các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã đã giải trình, làm rõ (nếu có) và đề xuất đánh giá, xếp loại chất lượng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền trước ngày 25 của tháng đánh giá, xếp loại.

5. Mức xếp loại chất lượng được xác định trên tổng điểm đạt được của tiêu chí đánh giá tại Điều 12 Quyết định này (trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này), cụ thể:

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (Loại A): Đạt từ 90 điểm trở lên.

b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ (Loại B): Đạt từ 70 điểm đến dưới 90 điểm.

c) Hoàn thành nhiệm vụ (Loại C): Đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm.

d) Không hoàn thành nhiệm vụ (Loại D): Dưới 50 điểm.

6. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cá nhân Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong tháng đánh giá, xếp loại bị Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản thì mức xếp loại chất lượng như sau:

a) Điểm đánh giá đạt loại A nhưng bị phê bình 01 lần thì xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ, bị phê bình 2 lần thì xếp loại Hoàn thành nhiệm vụ, bị phê bình 3 lần trở lên thì xếp loại Không hoàn thành nhiệm vụ.

b) Điểm đánh giá đạt loại B nhưng bị phê bình 01 lần thì xếp loại tối đa Hoàn thành tốt nhiệm vụ, bị phê bình 2 lần thì xếp loại Hoàn thành nhiệm vụ, bị phê bình 3 lần trở lên thì xếp loại Không hoàn thành nhiệm vụ.

c) Điểm đánh giá loại C nhưng bị phê bình 01 lần thì xếp loại tối đa Hoàn thành nhiệm vụ, bị phê bình 2 lần trở lên thì xếp loại Không hoàn thành nhiệm vụ.

7. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi kết quả tự đánh giá của người đứng đầu không đúng thời gian quy định bị trừ 01 điểm vào tổng điểm đánh giá.

Điều 15. Đánh giá, xếp loại chất lượng hằng quý

1. Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hằng quý bằng điểm trung bình cộng của 03 tháng thuộc quý đánh giá; không thực hiện việc đánh giá và đề xuất mức xếp loại quý IV mà kết hợp vào đánh giá, xếp loại cuối năm. Mức xếp loại chất lượng như sau:

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

Có điểm trung bình cộng của 03 tháng đánh giá đạt từ 90 điểm trở lên và đáp ứng các điều kiện sau:

- Các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương, lĩnh vực, bộ phận do cá nhân trực tiếp lãnh đạo, quản lý hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao theo kế hoạch trong quý; trong đó có ít nhất 30% số nhiệm vụ hoàn thành vượt mức yêu cầu.

- Đã khắc phục 100% các hạn chế, khuyết điểm được chỉ ra ở thời điểm kiểm điểm trước (nếu có) theo kế hoạch trong quý.

- Có kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hằng tháng trong quý đánh giá đạt mức Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 tháng trở lên được đánh giá, xếp loại chất lượng Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cá nhân Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong quý đánh giá không bị Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản.

b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Có điểm trung bình cộng của 03 tháng đạt từ 70 điểm trở lên và đáp ứng các điều kiện sau:

- Các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương, lĩnh vực, bộ phận do cá nhân trực tiếp lãnh đạo, quản lý hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao theo kế hoạch trong quý, đúng hạn, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

- Đã khắc phục 100% các hạn chế, khuyết điểm được chỉ ra ở thời điểm kiểm điểm trước (nếu có) theo kế hoạch trong quý.

- Có kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hằng tháng trong quý đánh giá đạt mức Hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 tháng trở lên được đánh giá, xếp loại chất lượng Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

c) Hoàn thành nhiệm vụ

Có điểm trung bình cộng của 03 tháng đạt từ 50 điểm trở lên và đáp ứng các điều kiện sau:

- Các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương, lĩnh vực, bộ phận do cá nhân trực tiếp lãnh đạo, quản lý hoàn thành 100% các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch trong quý; số nhiệm vụ chưa bảo đảm tiến độ không vượt quá 20%, nhưng không thuộc những nhiệm vụ trọng tâm, có tính chất cấp bách và ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả chung.

- Đã khắc phục 100% các hạn chế, khuyết điểm được chỉ ra ở thời điểm kiểm điểm trước (nếu có) theo kế hoạch trong quý.

- Có kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hằng tháng trong quý đánh giá đạt mức Hoàn thành nhiệm vụ trở lên, hoặc có 01 tháng Không hoàn thành nhiệm vụ nhưng có 02 tháng trong quý đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

d) Không hoàn thành nhiệm vụ

Không thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản này hoặc thuộc một trong các trường hợp sau:

- Tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương, bộ phận, lĩnh vực do cá nhân trực tiếp lãnh đạo, quản lý hoàn thành dưới 70% số nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch trong quý.

- Có vi phạm liên quan đến chức trách, nhiệm vụ trong thực thi công vụ bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên.

- Bị cấp có thẩm quyền kết luận có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”.

- Có tổ chức hoặc cá nhân trong phạm vi quản lý trực tiếp xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và bị xử lý kỷ luật trong quý đánh giá (Trường hợp cá nhân lãnh đạo, quản lý đã chủ động phát hiện, báo cáo và chỉ đạo xử lý kịp thời, khắc phục xong hậu quả thì cấp có thẩm quyền căn cứ vào hoàn cảnh, tính chất, hành vi, mức độ vi phạm, hậu quả, nguyên nhân và các yếu tố liên quan khác để xem xét, đánh giá, xếp loại bảo đảm khách quan, thận trọng, toàn diện và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo phân cấp).

- Chưa khắc phục hạn chế, khuyết điểm được chỉ ra ở thời điểm kiểm điểm trước (nếu có) theo kế hoạch trong quý.

2. Đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy nhân dân cấp xã

a) Căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng 02 tháng đầu quý đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo và kết quả tự đánh giá tháng cuối Quý, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy nhân dân cấp xã tự đánh giá về kết quả xếp loại của Quý, đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định, hướng dẫn tại Công văn số 650-CV/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và gửi cùng thời điểm tháng cuối Quý.

b) Sở Nội vụ tổng hợp, đề xuất mức xếp loại chất lượng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hằng quý đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy nhân dân cấp xã cùng với thời điểm trình đánh giá, xếp loại của các tháng cuối quý I, quý II, quý III; báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại định kỳ hằng quý về Ban Tổ chức Tỉnh ủy sau khi có thông báo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hằng quý theo quy định.

3. Đối với cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Cá nhân tự đánh giá và nhận mức xếp loại theo Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại ban hành kèm theo Phụ lục IV Quyết định này.

b) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị theo dõi, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng quý đối với cấp phó của mình.

Điều 16. Đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm

1. Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bằng điểm trung bình cộng của 12 tháng trong năm đánh giá (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 17 Quyết định này). Mức xếp loại chất lượng như sau:

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ:

- Điểm trung bình cộng của 12 tháng trong năm đối với người đứng đầu, điểm trung bình cộng của quý đối với cấp phó của người đứng đầu đạt từ 90 điểm trở lên và đáp ứng nội dung sau:

- Đối với Người đứng đầu:

+ Cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã và tập thể lãnh đạo, quản lý nơi đang công tác được xếp loại chất lượng Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ Cá nhân có kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hằng tháng trong năm đạt mức Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 09 tháng trở lên được đánh giá, xếp loại chất lượng Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Đối với cấp phó của người đứng đầu:

+ Các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao đều hoàn thành đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả cao.

+ Các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương, lĩnh vực, bộ phận do cá nhân trực tiếp lãnh đạo, quản lý hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao; trong đó có ít nhất 30% số nhiệm vụ hoàn thành vượt mức yêu cầu.

+ Đã khắc phục 100% các hạn chế, khuyết điểm được chỉ ra ở thời điểm kiểm điểm trước (nếu có).

+ Cá nhân có kết quả đánh giá hằng quý đạt mức Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 02 quý được đánh giá, xếp loại chất lượng Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ:

- Điểm trung bình cộng của 12 tháng trong năm đối với người đứng đầu, điểm trung bình cộng của quý đối với cấp phó của người đứng đầu đạt từ 70 điểm trở lên.

- Các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao đều hoàn thành đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

- Các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương, lĩnh vực, bộ phận do cá nhân trực tiếp lãnh đạo, quản lý hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao, đúng hạn, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

- Người đứng đầu có kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hằng tháng trong năm đạt mức Hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó có 09 tháng trở lên được đánh giá, xếp loại chất lượng Hoàn thành tốt nhiệm vụ. Cấp phó của người đứng đầu được đánh giá, xếp loại chất lượng hằng quý trong năm đạt mức Hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong có 02 quý được đánh giá, xếp loại chất lượng Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

c) Hoàn thành nhiệm vụ:

- Điểm trung bình cộng của 12 tháng trong năm đối với người đứng đầu, điểm trung bình cộng của quý đối với cấp phó của người đứng đầu đạt từ 50 điểm trở lên.

- Các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao đều hoàn thành, trong đó

có không quá 20% tiêu chí chưa bảo đảm tiến độ hoặc chất lượng, hiệu quả thấp.

- Các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương, lĩnh vực, bộ phận do cá nhân trực tiếp lãnh đạo, quản lý hoàn thành 100% các nhiệm vụ được giao; số nhiệm vụ chưa bảo đảm tiến độ không vượt quá 20%.

- Người đứng đầu có kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hằng tháng trong năm đạt mức Hoàn thành nhiệm vụ trở lên,

- Người đứng đầu có kết quả đánh giá hằng tháng đạt mức Hoàn thành nhiệm vụ trở lên, hoặc có 01 tháng Không hoàn thành nhiệm vụ nhưng có 06 tháng trong năm đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Cấp phó của người đứng đầu được đánh giá, xếp loại chất lượng hằng quý trong năm đạt mức Hoàn thành nhiệm vụ trở lên, hoặc có 01 quý Không hoàn thành nhiệm vụ nhưng có ít nhất 02 quý trong năm đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

d) Không hoàn thành nhiệm vụ:

Các trường hợp còn lại không thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản này hoặc thuộc một trong các trường hợp sau:

- Có trên 50% tổng số địa phương, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị, bộ phận mà cá nhân phụ trách lãnh đạo, quản lý có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan bị xếp loại "Không hoàn thành nhiệm vụ".

- Có trên 50% số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu tín nhiệm trong năm (nếu có).

- Có vi phạm liên quan đến chức trách, nhiệm vụ trong thực thi công vụ bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên.

- Bị cấp có thẩm quyền kết luận có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá".

- Có tổ chức hoặc cá nhân trong phạm vi quản lý trực tiếp xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và bị xử lý kỷ luật.

2. Trình tự đánh giá, xếp loại chất lượng: Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quy định số 08-QĐ/TU và theo Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Mức xếp loại chất lượng của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã không được cao hơn mức xếp loại của cơ quan, tổ chức, đơn vị và tập thể lãnh đạo, quản lý nơi đang công tác.

Điều 17. Trường hợp đặc biệt trong đánh giá, xếp loại chất lượng

1. Đối với cá nhân có sự thay đổi về vị trí công tác và chức vụ đảm nhiệm, thực hiện kiểm điểm, đánh giá, xếp loại theo quy định tại điểm 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 khoản 4 Điều 17 Quy định số 08-QĐ/TU.

2. Cá nhân nghỉ việc riêng không hưởng lương nhưng bảo đảm thời gian làm

việc từ 06 tháng trở lên; nghỉ ốm hoặc nghỉ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì kết quả xếp loại chất lượng trong năm là kết quả xếp loại chất lượng của thời gian làm việc thực tế của năm đó.

3. Cá nhân bị xử lý kỷ luật đảng hoặc kỷ luật hành chính thì đánh giá, xếp loại chất lượng như sau:

a) Cá nhân bị xử lý kỷ luật đảng hoặc kỷ luật hành chính trong năm đánh giá do suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm liên quan đến hoạt động công vụ thì xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.

Trường hợp bị xử lý kỷ luật đảng và kỷ luật hành chính về cùng một hành vi vi phạm nhưng quyết định kỷ luật đảng và quyết định kỷ luật hành chính không có hiệu lực trong cùng năm đánh giá thì chỉ tính làm căn cứ để xếp loại chất lượng ở một năm đánh giá.

b) Trường hợp có hành vi vi phạm và chưa có quyết định xử lý kỷ luật của cấp có thẩm quyền nhưng đã được dùng làm căn cứ để xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm đánh giá thì quyết định xử lý kỷ luật ban hành sau năm đánh giá đối với hành vi vi phạm đó (nếu có) không tính làm căn cứ để xếp loại chất lượng ở năm có quyết định xử lý kỷ luật.

c) Trường hợp công chức có khuyết điểm, vi phạm xảy ra ở tổ chức cũ nhưng bị xử lý kỷ luật và thi hành kỷ luật ở tổ chức mới chuyển đến thì tính vào kết quả đánh giá, xếp loại của tổ chức cũ.

d) Trường hợp công chức có khuyết điểm, vi phạm xảy ra ở cả tổ chức cũ và tổ chức mới, bị xử lý kỷ luật và thi hành kỷ luật ở tổ chức cũ và tổ chức mới chuyển đến thì tính hình thức kỷ luật vào kết quả đánh giá, xếp loại theo thời điểm xác định hành vi vi phạm tại mỗi tổ chức.

4. Trường hợp cá nhân lãnh đạo, quản lý đã chủ động phát hiện, báo cáo và chỉ đạo xử lý kịp thời, khắc phục xong hậu quả thì cấp có thẩm quyền căn cứ vào hoàn cảnh, tính chất, hành vi, mức độ vi phạm, hậu quả, nguyên nhân và các yếu tố liên quan khác để xem xét, đánh giá, xếp loại bảo đảm khách quan, toàn diện và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo phân cấp.

5. Cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền (qua Sở Nội vụ) xem xét điều chỉnh hoặc hủy bỏ kết quả đã công bố; đồng thời, tiến hành đánh giá, xếp loại lại theo quy định trong trường hợp cá nhân đã được xếp loại chất lượng, nhưng sau đó phát hiện có khuyết điểm, không đảm bảo quy định về mức xếp loại hoặc thiếu trung thực làm cho kết quả không chính xác hoặc có phản ánh từ các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Trực tiếp chỉ đạo triển khai, thực hiện Quyết định này. Thực hiện tự đánh

giá, xếp loại và báo cáo kết quả tự đánh giá, xếp loại với cơ quan có thẩm quyền trên Phần mềm đánh giá, xếp loại chất lượng.

b) Chịu trách nhiệm về các hồ sơ, tài liệu, kết quả tự đánh giá và nội dung kiến nghị, giải trình kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hằng tháng, quý, năm.

c) Căn cứ Quyết định này và quy định hiện hành, xây dựng, ban hành Quy chế theo dõi, đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cấp phó của mình và cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý trong đó cụ thể hóa tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ phù hợp với đặc điểm công việc.

2. Sở Nội vụ

a) Tham mưu với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã; tập thể lãnh đạo quản lý các cơ quan, tổ chức, đơn vị và tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã. Quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hằng tháng, hằng quý đối người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Quyết định kết quả đánh giá, xếp loại hằng năm đối với đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có nhiệm vụ chấm thẩm định xây dựng và ban hành hướng dẫn cụ thể về nội dung, tài liệu kiểm chứng chấm điểm hàng tháng, quý, năm, gửi các cơ quan, đơn vị để thực hiện; hoàn thành trước ngày 10/5/2026.

c) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện Quyết định này.

3. Sở Tài chính

Thẩm định dự toán chi tiết, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện Phần mềm đánh giá xếp loại chất lượng và kinh phí phục vụ công tác thẩm định đánh giá, xếp loại chất lượng đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Nội vụ triển khai, hoàn thiện hệ thống Phần mềm đánh giá, xếp loại đảm bảo đồng bộ với nội dung Quyết định này theo quy định.

5. Các cơ quan, đơn vị được giao là cơ quan thẩm định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này: Có trách nhiệm thẩm định, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thẩm định và gửi kết quả thẩm định về Sở Nội vụ tổng hợp.

Điều 19. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2026

2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì các nội dung liên quan được thực hiện theo văn bản mới.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở; Thủ trưởng ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 19;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ Uỷ ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, CVNCTH, HCTC;
- Các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Cơ sở dữ liệu văn bản QPPL tỉnh (đăng tải);
- Báo và Phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Phan Huy Ngọc